TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/12/2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bế Lan Phương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Luân Văn Lý
2. Bà Vũ Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/11/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bế Văn B - sinh năm 1969

Địa chỉ: SN M, tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Bị đơn: Nguyễn Thị H - sinh năm 1971;

Địa chỉ: SN M, tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Các bên đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 8 năm 2019 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, ông Bế Văn B (nguyên đơn) trình bày: ông và bà Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình theo phong tục truyền thống của địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng ngày 03 tháng 9 năm 2002. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2013 thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, giữa 2 vợ chồng cũng không có quan điểm thống nhất trong mọi vấn đề;

Ngoài ra, bà H có quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác, là anh em trong gia đình. Với mâu thuẫn như vậy, ông có góp ý khuyên bảo nhưng bà H không nghe, do vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ và xô sát, đánh đập. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình và anh em bạn bè khuyên can hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về tình cảm: Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông đề nghị được giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Có 2 cháu con chung là Bế Thị Hồng H - sinh ngày 17/6/1993 và Bế Đức H - sinh ngày 09/6/2007. Hiện nay con lớn là Bế Thị Hồng H đã trưởng thành nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Bế Đức H - sinh ngày 09/6/2007 đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Yêu cầu bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đ (Hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung, riêng: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bà và ông Bế Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu, có được tổ chức lễ cưới ở cả hai bên gia đình ngày 31/12/1991 nhưng tại thời điểm đó bà và ông B chưa có công ăn việc làm ổn định, ở nhà làm ruộng nên chưa tiến hành việc đăng ký kết hôn. Đến ngày 03 tháng 9 năm 2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống của vợ chồng đã được 28 năm, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đúng như ông B trình bày. Tuy nhiên bà có bổ sung thêm nội dung mâu thuẫn là do ông B ghen tuông mù quáng, nên sinh ra việc xô sát cãi cọ, bản cam kết ông B cung cấp tại phiên hòa giải là do ông B ép buộc bà viết chứ thực ra ông B không bắt được việc bà ngoại tình. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 15/01/2018 là do ông B đánh đập bà. Bà xác định việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông B chưa được gia đình hòa giải lần nào. Nay tại tòa bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà vẫn luôn quan tâm đến ông B và không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có 2 cháu con chung là Bế Thị Hồng H - sinh ngày 17/6/1993 và Bế Đức H - sinh ngày 09/6/2007. Hiện nay con lớn là Bế Thị Hồng H đã trưởng thành nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Bế Đức H - sinh ngày 09/6/2007 đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu ông Bế Văn B đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung: Có nhà xây 3 tầng, xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị H, 02 xe máy.

Các khoản nợ chung, riêng: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu: Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Căn cứ khoản 4 Điều 147- Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bế Văn B đối với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung, xét thấy con chung Bế Đức H - sinh ngày 09/6/2007; Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Nguyễn Thị H, trong biên bản ghi lời khai, con chung là cháu Bế Đức H có nguyện vọng được theo mẹ (bà Nguyễn Thị H).

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung Bế Đức H cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà H không có yêu cầu ông B có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung, nợ riêng: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu của đương sự.

Trên đây là quan điểm của Viện kiểm sát đối với vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và ban hành bản án đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Bế Văn B (Địa chỉ: SN M, tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) viết đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với bà Nguyễn Thị H (Địa chỉ: SN M, tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về hôn nhân: Ông Bế Văn B và bà Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình theo phong tục truyền thống của địa phương từ ngày 31/12/1991. Đến ngày 03 tháng 9 năm 2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Theo Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình). Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Bế Văn B và bà Nguyễn Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Vợ chồng ông B bà H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mỗi người đều có cá tính riêng của mình, không ai chịu nhường nhịn ai để giữ gìn hạnh phúc gia đình; Vợ chồng thiếu sự quan tâm, tin tưởng nhau nên dẫn đến việc có quan hệ không lành mạnh và hiểu nhầm lẫn nhau, giữa anh em trong gia đình, tình cảm vợ chồng rạn nứt, cũng như việc không tìm được tiếng nói chung để tình cảm vợ chồng ngày thêm trầm trọng, mâu thuẫn âm ỉ kéo dài.

Mâu thuẫn ngày càng trở nên gay gắt trầm trọng hơn từ cuối năm 2017 đầu năm 2018, vợ chồng có xảy ra việc cãi cọ, xúc phạm, không còn quan tâm đến nhau nữa, mỗi người tự sống theo ý riêng của mình. Mâu thuẫn đã được gia hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả; tháng 01 năm 2018 hai vợ chồng đã ly thân cho đến nay và không quan tâm tới nhau nữa. Tại tòa ông B xác định tình cảm vợ chồng thực sự không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông B và bà H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của ông B đối với bà H.

[4] Về con chung: Có 2 cháu con chung là Bế Thị Hồng H - sinh ngày 17/6/1993 và Bế Đức H - sinh ngày 09/6/2007. Hiện nay con lớn là Bế Thị Hồng H đã trưởng thành nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Bế Đức H đang sinh sống cùng bà Nguyễn Thị H, theo nguyện vọng của cháu H khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ để đảm bảo việc quan tâm chăm sóc và học tập. Xét về điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà H sẽ đảm bảo và có điều kiện chăm sóc con chung hơn ông B vì hiện nay ông B đang công tác trong huyện, không ở nhà thường xuyên nên không có điều kiện chăm sóc thuận lợi như bà H và con chung đã có cuộc sống ổn định nên không cần thiết phải thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà vẫn đảm bảo điều kiện cho con chung là Bế Đức H được học tập, sinh hoạt cũng như quyền lợi mọi mặt cho con. Nên cần giao con chung Bế Đức H cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Không đặt ra việc xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H có yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung là nhà xây 3 tầng và 02 xe máy (không cung cấp tài liệu có liên quan đến phần tài sản, không có đơn yêu cầu chia tài sản và nộp tạm ứng án phí), không thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu của đương sự.

[6] Về án phí: Ông Bế Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bế Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bế Văn B được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là Bế Đức H - sinh ngày 09/6/2007 (giới tính: nam) cho bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Không đặt ra việc đóng góp trợ cấp nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức trợ cấp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra việc xem xét giải quyết.

4. Về án phí: ông Bế Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông B đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo số biên lai AA/2018/0000540 ngày 28/8/2019. Ông B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

N¬i nhËn:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bế Lan Phương